

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 26/4/2018

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc: “ Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1977(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (Ông Bùi Văn T) trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/8/2011. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ

chồng cãi nhau về công việc làm ăn, không còn tôn trọng nhau. Đến tháng 03 năm 2015 thì bà D tự bỏ con bỏ đi. Ông T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị D mất tích. Ngày 08/12/2017 Tòa án đã có quyết định số 20/2017/QĐDS-ST về việc tuyên bố bà Nguyễn Thị D mất tích. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Nguyễn Thị D.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là cháu Bùi Thị Diễm M, sinh ngày 12/10/2012. Khi bỏ đi vợ ông bỏ con đi nên hiện nay ông không biết con ông đang ở đâu và ông cũng không biết tin tức gì về con. Vì vậy, ông đồng ý giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Diễm M đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Đối với bị đơn (Bà Nguyễn Thị D):** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập họp lệ nhiều lần bị đơn là bà Nguyễn Thị D vắng mặt, không có ý kiến nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại địa phương nơi bà D cư trú được biết bà D đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 3 năm 2015 đến nay không có tin tức gì. Ông T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị D mất tích. Ngày 08/12/2017 Tòa án đã có quyết định số 20/2017/QĐDS-ST tuyên bố bà Nguyễn Thị D mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị D được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị D.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của ông Bùi Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị D tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/8/2011, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân, ông T và bà D xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng ông bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Bà D đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 3 năm 2015 đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 20/2017/QĐDS-ST ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú cuối cùng của bà D thì chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng ông T, bà D chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà D đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 3 năm 2015 đến nay không có tin tức gì.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét yêu cầu của ông Bùi Văn T về việc được ly hôn bà Nguyễn Thị D là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

Về con chung: Ông T, bà D có 01 con chung là cháu Bùi Thị Diễm M, sinh ngày: 12/10/2012. Khi bỏ đi bà D bỏ con đi nên hiện nay ông T không biết con ông đang ở đâu và ông cũng không biết tin tức gì về con. Vì vậy, ông T đồng ý giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Diễm M đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Bùi Thị Diễm M cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu Diễm M mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn (ông Bùi Văn T) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ T theo quy định pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị D.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Diễm M, sinh ngày 12/10/2012 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Diễm M đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông Bùi Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004958 ngày 02/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông T không phải nộp tiền án phí nữa.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND TP. BMT;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng; Hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Thị Yến

